

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2024 /HS- ST

Ngày: 26-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Kim Kinh

2. Ông Đỗ Thanh Đình

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thu Nha - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Nhật Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 183/2024/HSST-QĐ ngày 24/7/2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 965/TB-TA ngày 16/8/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân N, tên gọi khác: Không; sinh ngày 04 tháng 02 năm 1967 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: thôn L, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình T (chết) và bà Đặng Thị X (sinh năm 1947), vợ: Bùi Thị T1 (sinh năm 1966) và 01 con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 29/8/1988, bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Nghĩa Bình xử phạt 18 tháng tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 12/HSST;

- Ngày 28/11/1991, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 04 năm tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 47/ HSST;

- Ngày 25/4/1997, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 06 năm tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 14/ HSST;

- Ngày 27/02/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xử phạt 18 tháng tù giam về tội “ Trốn khỏi nơi giam giữ” theo Bản án số 01/HSST.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

-*Bị hại:* Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã T, Thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Phạm Quốc D, sinh năm 1984

Địa chỉ: F N, tổ H phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

+ Bà Võ Thị Hồng D1, sinh năm 1988

Địa chỉ: F N, tổ H phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

+ Ông Nguyễn P1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

+Bà Bùi Thị X1, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số nhà B P, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

-*Người làm chứng:* Ông Lê Văn X2, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T1 có mặt tại phiên tòa, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/12/2023, bị cáo Nguyễn Xuân N được ông Lê Văn X2 thuê làm trại quán nước tại bờ kè đường H, thuộc tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày 13/12/2023 ông Lê Văn X2 gọi điện thoại cho ông Nguyễn Tấn P hỏi mua gà đá, sau đó ông X2 rủ bị cáo N cùng đi đến nhà ông Nguyễn Tấn P ở Thôn T, xã T, thành phố Q để mua gà đá, vì vậy khoảng 15 giờ 45 phút ngày 13/12/2023 bị cáo N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76U1-013.13, còn ông X2 điều khiển xe mô tô của ông X2 cùng đi đến nhà ông Nguyễn Tấn P.

Khi đến nhà ông Nguyễn Tấn P, ông P dẫn ông X2 đi ra phía sau nhà để xem gà đá, bị cáo N đi theo sau, đi được một đoạn thì bị cáo N không đi nữa mà quay lại trước sân nhà ông P rồi đi thẳng vào nhà ông P, thấy trong nhà ông P không có người, trên kệ đựng sách vở để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A13, màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A13, màu đen, nên bị cáo N đã trộm cắp 02 điện thoại di động này bỏ vào túi quần, rồi điều khiển xe mô tô biển

kiểm soát 76U1-01313 đi về nhà ở thôn L, xã T, thành phố Q cất giấu tài sản đã trộm cắp.

Ngày 14/12/2023, bị cáo N đem 02 điện thoại di động trộm cắp của ông P đến Cửa hàng mua bán điện thoại di động Nhật Thy do ông Phạm Quốc D ở địa chỉ tổ H Phường N, thành phố Q làm chủ và bán 02 chiếc điện thoại di động này cho bà Võ Thị Hồng D1 (là vợ của ông D) với số tiền 2.100.000đồng và sử dụng chi tiêu cho cá nhân bị cáo.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 08/01/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Q kết luận: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A13, màu đen (đã qua sử dụng) tại thời điểm ngày 13/12/2023 có trị giá là 1.400.000đồng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A13, màu đen (đã qua sử dụng) tại thời điểm ngày 13/12/2023 có trị giá là 1.170.000đồng, tổng cộng hai điện thoại di động nêu trên trị giá 2.570.000 đồng (Hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã tạm giữ vật chứng và xử lý vật chứng:

- *Tạm giữ từ bị cáo Nguyễn Xuân N:* 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 76U1-01313, nhãn hiệu Airblade màu đen bạc, số máy 0729126, số khung 024628 đã qua sử dụng, 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007922 mang tên Nguyễn P1; Qua điều tra xác định: Vào năm 2019, ông Nguyễn P1 đã bán chiếc xe này cho bà Bùi Thị X1, bà Bùi Thị X1 tặng cho chiếc xe mô tô này cho chị gái là bà Bùi Thị T1 (là vợ của bị cáo N) nhưng ông P1, bà X1 và bà T1 chưa thực hiện thủ tục mua bán, tặng cho chiếc xe này theo quy định của pháp luật, vào ngày 13/12/2023 bị cáo N mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 76U1-01313 của bà T1 để đi làm, bà Bùi Thị T1 không biết hành vi phạm tội của bị cáo N.

- *Tạm giữ từ ông Phạm Quốc D và bà Võ Thị Hồng D1:* 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A13, màu đen (đã qua sử dụng); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A13, màu đen (đã qua sử dụng), cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu.

Cáo trạng số 97/CT-VKSTPQN ngày 01/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Xuân N về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Nguyễn Xuân N về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân N từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Về vật chứng: Đối với xe mô tô biển kiểm soát 76U1-01313 và Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007922 tuyên trả cho bà Bùi Thị T1; Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A13, màu đen (đã qua sử dụng); 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu

Oppo A13, màu đen (đã qua sử dụng), cơ quan điều tra đã hoàn trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Tấn P, ông Phạm Quốc D và bà Võ Thị Hồng D1 đã nhận lại số tiền 2.100.000đồng, ông P, ông D và bà D1 không có yêu cầu giải quyết về dân sự, vì vậy không xem xét.

Bị cáo không tranh luận về tội danh và khung hình phạt đối với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của bị cáo Nguyễn Xuân N phù hợp với vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Xuân N là người có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vào ngày 13/12/2023 bị cáo Nguyễn Xuân N đã thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” với tổng số tiền gây thiệt hại cho bị hại đã xác định được là 2.570.000đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Xuân N tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Xuân N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân N đã thành khẩn khai báo, nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Xuân N

đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Xuân N không có tiền án, tiền sự, về nhân thân bị cáo Nguyễn Xuân N đã 03 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 lần bị kết án về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”.

Từ những phân tích trên, nhận thấy cần buộc bị cáo Nguyễn Xuân N phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo, phù hợp Điều 38 và Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Đối với ông Phạm Quốc D và bà Võ Thị Hồng D1 là người mua 02 điện thoại di động do bị cáo Nguyễn Xuân N đem đến bán, tuy nhiên ông D và bà D1 không biết tài sản do bị cáo Nguyễn Xuân N trộm cắp mà có, không quen biết, không bàn bạc, không hứa hẹn và thỏa thuận trước với bị cáo Nguyễn Xuân N, do đó hành vi của ông Phạm Quốc D và bà Võ Thị Hồng D1 không có dấu hiệu của tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, quy định tại Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[4] Đối với bà Bùi Thị T1: Việc bị cáo Nguyễn Xuân N sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 76U1-01313 làm phương tiện phạm tội thì bà Bùi Thị T1 không biết, cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Bùi Thị T1 là đúng quy định của pháp luật.

[5] Đối với ông Lê Văn X2: Ông Lê Văn X2 không biết về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Xuân N, do đó ông Lê Văn X2 không đồng phạm với bị cáo Nguyễn Xuân N.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Tấn P đã nhận lại 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A13, màu đen (đã qua sử dụng), 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A13, màu đen (đã qua sử dụng); ông Phạm Quốc D và bà Võ Thị Hồng D1 đã nhận lại số tiền 2.100.000đồng, ông P, ông D và bà D1 không yêu cầu gì về dân sự nữa, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan CSĐT Công an T đã hoàn trả 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A13, màu đen (đã qua sử dụng), 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A13, màu đen (đã qua sử dụng) cho chủ sở hữu ông Nguyễn Tấn P, là đúng quy định của pháp luật.

Đối xe mô tô biển kiểm soát 76U1-01313 nhãn hiệu Airblade màu đen bạc, số máy 0729126, số khung 024628 (đã qua sử dụng) và Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007922, đây là tài sản riêng, thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Thị T1, bà Bùi Thị T1 cho bị cáo Nguyễn Xuân N mượn xe đi làm, bà Bùi Thị

T1 không biết bị cáo N sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, do đó tuyên trả cho chủ sở hữu là bà Bùi Thị T1.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân N phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân N 06 (S) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên trả cho bà Bùi Thị T1 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 76U1-01313, nhãn hiệu Airblade màu đen bạc, số máy 0729126, số khung 024628 đã qua sử dụng, vật chứng này được phản ánh tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Tuyên trả Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 007922 mang tên Nguyễn P1 cho bà Bùi Thị T1, vật chứng này hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

3. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Xuân N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo, căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CA TP.Quảng Ngãi
- Cơ quan CSĐT CA TP.Quảng Ngãi
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Bình

